

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST
Ngày 23-9-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Viện

Ông Đinh Xuân Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1974, nơi cư trú: Tổ dân phố 1A (nay là tổ dân phố C), phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Tiến L, sinh năm 1966, nơi cư trú: Tổ dân phố 1A (nay là tổ dân phố C), phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 25-6-2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hoàng Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà xây dựng hạnh phúc với ông L trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 25-9-1991 tại UBND phường Ngọc Xuyên, thị xã Đồ Sơn (nay là quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà và ông L không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn nhiều vì cách phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Vài năm trở lại đây, ông L thường chơi cờ bạc dẫn đến bị nợ nần, bà đã khuyên bảo ông L nhiều lần nhưng ông không chịu thay đổi. Gia đình hai bên đã khuyên bảo ông L nhiều lần nhưng ông

cũng không chịu thay đổi. Đến nay, bà không còn tình cảm với ông L vì thế bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Bà và ông L có 02 con chung là Đỗ Thị Thanh H, sinh ngày 17-5-1994 và Đỗ Thị Thanh N, sinh ngày 27-12-1995. Chị H và chị N đều đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Đỗ Tiến L trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà T xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào tháng 9 năm 1991 tại UBND phường Ngọc Xuyên, thị xã Đồ Sơn (quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông và bà T có nhiều điểm không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến có xích mích, cãi cọ nhau. Ông và bà T đã nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thể đi đến hòa hợp. Vì thế, bà T làm đơn khởi kiện về việc ly hôn với ông, ông thấy vợ chồng tình cảm đã không còn được như trước nhưng vẫn muốn được đoàn tụ với bà T; nếu ông không thuyết phục được bà T mà bà T vẫn cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý.

- Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là Đỗ Thị Thanh H, sinh ngày 17-5-1994 và Đỗ Thị Thanh N, sinh ngày 27-12-1995. Chị H và chị N đều đã thành niên, có thể tự lo cho cuộc sống của bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông L;

Về nuôi con chung và tài sản chung: Bà T không đề nghị Tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, ông L đề nghị giải quyết về tài sản chung nhưng theo quy định, yêu cầu của ông không được chấp nhận, ông nộp đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung vợ chồng sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn, bị đơn là ông Đỗ Tiến L, cư trú tại: Tổ dân phố 1A (nay là tổ dân phố Cộng Lực), phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về hôn nhân: Bà T và ông L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngọc Xuyên, thị xã Đồ Sơn (nay là quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng vào ngày 25-9-1991 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 5 và Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

[3] Các tài liệu, chứng cứ xác định mà Tòa án thu thập được xác định: Bà T và ông L kết hôn từ năm 1991. Ông, bà chung sống hòa thuận đến vài năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà T và ông L không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn nhiều vì cách phát triển kinh tế gia đình. Bản thân ông, bà đã tự tìm cách khắc phục, giải quyết mâu thuẫn để chung sống hạnh phúc; hai bên gia đình cũng đã tích cực tác động, khuyên giải nhưng tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông L vẫn không thể cải thiện được. Thời gian gần đây, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn khi bà T và ông L nghi ngờ nhau trong việc làm ăn kinh tế, nên vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau và bỏ mặc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải cho bà T và ông L, nhưng bà T cương quyết xin ly hôn với ông L. Tòa án đã tạo điều kiện cho ông, bà một khoảng thời gian để suy nghĩ, để ông, bà có thể quay về với nhau nhưng bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải lần 2. Như vậy, bà T không còn mong muốn hòa giải để đoàn tụ. Tại phiên tòa, ông L chỉ đồng ý ly hôn, nếu bà T thống nhất chia tài sản chung với ông L. Xét thấy, bà T và ông L không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không tôn trọng nhau vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Bà T và ông L có 02 con chung là Đỗ Thị Thanh H, sinh ngày 17-5-1994 và Đỗ Thị Thanh N, sinh ngày 27-12-1995. Chị H và chị N đều đã thành niên nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện và bản khai của Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, ông L không có đơn yêu cầu giải quyết tài sản chung, bản tự khai của ông L cũng không đề nghị giải quyết tài sản chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông L có đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung. Yêu cầu chia tài sản chung của ông L là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải

quyết. Ông L có thể khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà T và ông L có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị T được ly hôn ông Đỗ Tiến L.

2. Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai số 0007114 ngày 30-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà T và ông L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Ngọc Xuyên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Ngọc Xuyên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

